

Số: 1478/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình xác định
Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành;
Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương
ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-BNV ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ
Nội vụ phê duyệt Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải
cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của
cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của
các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương giai đoạn 2022-2030”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban
Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn
La, giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của
UBND tỉnh ban hành Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở,
ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của
UBND tỉnh triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các
sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 478/TTr-SNV ngày
28 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ: theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và định kỳ phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của các ngành, các cấp theo Chỉ số này; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính 2022 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP UBND tỉnh: LĐ, các phòng khối Nội dung, phòng TCHCQT;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Duyên.



CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

**QUY ĐỊNH**

**Về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính
năm 2023 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1478 /QĐ-UBND ngày 09 / 08 /2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính (sau đây viết tắt là *Chỉ số CCHC*) năm 2023 của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.
2. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND các huyện, thành phố thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi chung là *các cơ quan, đơn vị, địa phương*).

Điều 2. Nguyên tắc xác định

1. Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện CCHC năm 2023 của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La về đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025.
2. Việc xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương được tổ chức đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế.
3. Đảm bảo tính trung thực, công khai, khách quan, công bằng, phản ánh kịp thời, đúng tình hình thực tế kết quả thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Quá trình đối chiếu, so sánh, đánh giá đo lường Chỉ số CCHC phải được thực hiện nghiêm túc, khoa học, toàn diện, đầy đủ việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương thông qua Bộ Chỉ số và tài liệu kiểm chứng.

4. Các phương pháp tính toán đảm bảo tính khoa học, số liệu thống kê rõ ràng, nguồn thông tin có độ tin cậy và chính xác cao. Không đánh giá những nội dung, tài liệu không liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ CCHC.

5. Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Báo cáo kết quả xác định, công bố, công khai Chỉ số CCHC sau đánh giá.

Chương II

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CCHC

Điều 3. Nội dung và tiêu chí xác định Chỉ số CCHC

1. Việc xác định Chỉ số CCHC được thực hiện theo các tiêu chí đánh giá và điểm số cho từng tiêu chí tại Bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số CCHC của các sở, ngành (Phụ lục I); Bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số CCHC của các huyện, thành phố (Phụ lục II) kèm theo Quy định này.

2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá là 100 điểm, trong đó:

- Điểm tự đánh giá, thẩm định: 70/100 điểm.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học: 30/100 điểm.

3. Chỉ số CCHC

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các sở, ngành

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các sở, ngành được cấu trúc thành 8 lĩnh vực, 41 tiêu chí và 73 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 08 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thể chế: 05 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 06 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 04 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- Cải cách công vụ: 09 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 06 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: 02 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức: 01 tiêu chí.

b) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp huyện

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC các huyện, thành phố được cấu trúc thành 8 lĩnh vực, 41 tiêu chí và 91 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- + Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 08 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thể chế: 05 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thủ tục hành chính: 06 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 04 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách công vụ: 10 tiêu chí và 20 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tài chính công: 03 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: 03 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thành phố: 02 tiêu chí và 07 tiêu chí thành phần.

Điều 4. Phương pháp đánh giá

1. Tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm các cơ quan, đơn vị tự đánh giá được thể hiện ở cột **“Tự đánh giá”** của Phụ lục I, Phụ lục II.

- Điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương được Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định. Kết quả điểm do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định được thể hiện ở cột **“Cơ quan thẩm định”** của Phụ lục I, Phụ lục II.

2. Đánh giá thông qua điều tra xã hội học

- Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học thể hiện ở cột **“Ghi chú”** của Phụ lục I, Phụ lục II. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau.

- Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học được thể hiện ở cột **“Điều tra XHH”** của Phụ lục I, Phụ lục II.

3. Tính toán xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị

- Tổng hợp điểm đánh giá qua **“Điều tra XHH”** và điểm do **“Cơ quan thẩm định”** được thể hiện tại cột **“Điểm đạt được”**.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tổng điểm đạt được. Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị được thể hiện ở dòng cuối cùng của Phụ lục I, Phụ lục II.

- Tổng điểm tối đa là 100 và được xếp từ cao xuống thấp theo Chỉ số CCHC đạt được và phân loại thành các nhóm:

- + Nhóm A (nhóm tốt): có số điểm tổng cộng từ 90 điểm trở lên.
- + Nhóm B (nhóm khá): có số điểm tổng cộng từ 70 điểm đến dưới 90 điểm.
- + Nhóm C (nhóm trung bình): có số điểm tổng cộng từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
- + Nhóm D (nhóm yếu): có số điểm tổng cộng dưới 50 điểm.

Chương III **QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CCHC**

Điều 5. Quy trình tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Căn cứ Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC tại Quy định này và đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương để tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thành lập Hội đồng đánh giá để xem xét, đánh giá kết quả tự chấm điểm việc thực hiện những tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC theo quy định.

a) Thành phần Hội đồng đánh giá tại cơ quan, đơn vị, địa phương

- Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị.
- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: lãnh đạo Văn phòng Sở *(đối với các sở, ban, ngành)*; lãnh đạo phòng Nội vụ *(đối với UBND cấp huyện)*.
- Thành viên Hội đồng: lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn có liên quan.
- Mời lãnh đạo một số các cơ quan, đơn vị tham gia Hội đồng:
 - + Đối với UBND các huyện, thành phố: mời lãnh đạo Ban Tổ chức, Văn phòng huyện ủy, thành ủy; lãnh đạo Ủy ban MTTQ Việt Nam, Liên đoàn lao động huyện, thành phố.
 - + Đối với các sở, ban, ngành: mời lãnh đạo đại diện Đảng ủy cơ sở, Chi ủy cơ sở *(nơi không có đảng bộ)*; đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan.
- Thư ký Hội đồng: người trực tiếp tham mưu công tác CCHC của cơ quan, đơn vị.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

Rà soát, đối chiếu thông qua kết quả chấm điểm theo các tiêu chí đánh giá Chỉ số CCHC theo quy định, xác định rõ những điểm số đạt được của từng tiêu

chí (có đầy đủ tài liệu kiểm chứng phù hợp). Xây dựng báo cáo nêu rõ những tiêu chí tính điểm (nếu có) đối với những nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị, những tiêu chí thiếu tài liệu kiểm chứng, hoặc tài liệu kiểm chứng không phù hợp; những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị (nếu có).

Điều 6. Quy trình thẩm định đánh giá

1. Thành lập Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh

Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh.

a) Thành phần Hội đồng

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: Giám đốc Sở Nội vụ.
- Thành viên Hội đồng gồm lãnh đạo các sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh.
- Thư ký Hội đồng: Trưởng phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng: thẩm định, xây dựng báo cáo xác định Chỉ số CCHC năm 2023 của các cơ quan, đơn vị, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu tổ chức công bố Chỉ số CCHC theo quy định.

2. Thành lập Tổ giúp việc Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh

Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ giúp việc Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh.

a) Thành phần Tổ giúp việc: lãnh đạo, chuyên viên các phòng chuyên môn thuộc các sở, ban, ngành có liên quan đến nội dung, chương trình CCHC.

b) Nhiệm vụ của Tổ giúp việc: thẩm định, đối chiếu với các tài liệu kiểm chứng kết quả tự đánh giá xác định Chỉ số CCHC năm 2023 của các cơ quan, đơn vị theo quy định, báo cáo kết quả thẩm định với Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh.

3. Các bước tiến hành thẩm định, đánh giá, xác định và công bố kết quả Chỉ số CCHC

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương nhập dữ liệu kết quả đánh giá, chấm điểm vào Phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

b) Thành lập Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh, thành lập Tổ giúp việc của Hội đồng; phân công thành viên Hội đồng, Tổ giúp việc để thực hiện xem xét, thẩm định, đánh giá.

c) Thực hiện thẩm định, đối chiếu, xác định kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và điểm điều tra xã hội học.

d) Thống nhất kết quả thẩm định đánh giá Chỉ số CCHC với từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thẩm định đánh giá thông qua Hội đồng.

e) Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh công bố Chỉ số CCHC năm 2023.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Là cơ quan Thường trực của Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung xác định Chỉ số CCHC theo quy định tại Quyết định này.

2. Chủ trì bổ sung các tiêu chí mới vào Phần mềm đánh giá chấm điểm xác định Chỉ số CCHC; nâng cấp phần mềm xác định Chỉ số CCHC và Chỉ số SIPAS. Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; chủ trì công tác điều tra xã hội học phục vụ cho việc xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC trong kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm.

4. Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh.

5. Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tự đánh giá Chỉ số CCHC theo quy định tại Quyết định này. Tổng hợp, xử lý số liệu để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo kết quả Chỉ số CCHC.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức công bố Chỉ số CCHC hàng năm.

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán chi tiết kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2023 trình Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán của Sở Nội vụ, Sở Tài chính báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện đánh giá xác định Chỉ số CCHC và nâng cấp phần mềm xác định Chỉ số

CCHC. Hướng dẫn Sở Nội vụ xây dựng dự toán chi tiết để thực hiện đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị là thành viên Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh

1. Chọn cử lãnh đạo cơ quan, lãnh đạo các phòng chuyên môn có liên quan tham gia Hội đồng và Tổ giúp việc Hội đồng xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh theo đề nghị của Sở Nội vụ.

2. Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả triển khai CCHC đối với lĩnh vực được giao phụ trách, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả, theo dõi đánh giá Chỉ số CCHC đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc trách nhiệm của ngành.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo việc thực hiện các nội dung CCHC một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo Kế hoạch CCHC năm 2023.

2. Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm, trung thực khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo các kết quả CCHC.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, nội dung, kết quả Chỉ số CCHC năm 2023 dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức.

4. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để phục vụ xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh, báo cáo về UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp xem xét, quyết định./.
